

Số: 1293 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 13 tháng 7 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực An toàn thực phẩm, Quản lý chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Y tế tỉnh Cà Mau**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2426/QĐ-BNN-KTHT ngày 29/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đình chính Quyết định số 492/QĐ-BNN-KTHT ngày 31/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 06/01/2020 và Quyết định số 1134/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 06/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Cà Mau;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 261/TTr-SNN ngày 07/7/2020 và ý kiến của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 1837/SYT-NVY ngày 06/7/2020.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 06 thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực An toàn thực phẩm, Quản lý chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Y tế tỉnh Cà Mau được Chủ tịch Ủy ban nhân dân công bố tại Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 (kèm theo danh mục).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế tỉnh Cà Mau.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế đồng chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông và điện tử thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông giải quyết đối với 06 thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 của Quyết định này theo đúng quy định. Hoàn thành xong trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (VIC);
- Cục KSTTHC, VPCP (CDVCQG);
- CT, các PCT UBND tỉnh (VIC);
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (VIC);
- Sở Thông tin và Truyền thông (VIC);
- Các PVP UBND tỉnh (VIC);
- Công Thông tin điện tử tỉnh (VIC);
- Phòng CCHC (Đời/91, VIC);
- Lưu: VT, M.A77/7.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Hồng Quân**

**DANH MỤC VÀ NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ  
TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VÀ SỞ Y TẾ TỈNH CÀ MAU**

*(Kèm theo Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2020  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*



**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính bị thay thế**

Số TT	Mã TTHC Địa phương	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ văn bản quy định thay thế thủ tục hành chính
<b>I.</b>	<b>Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 12/3/2020</b>		
1.	2.001827.00 0.00.00.H12	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	- Quyết định số 2426/QĐ-BNN-KTHT ngày 29/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đính chính Quyết định số 492/QĐ-BNN-KTHT ngày 31/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;  - Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 06/01/2020 và Quyết định số 1134/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 06/01/2020 của Chủ tịch Ủy
2.	2.001823.00 0.00.00.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn)	
3.	2.001819.00 0.00.00.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc	

		có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm)	ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Cà Mau.
4.	2.001832.00 0.00.00.H12	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	
5.	1.003524.00 0.00.00.H12	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	
6.	1.003486.00 0.00.00.H12	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	

**PHẦN II.**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ**

**I. Lĩnh vực An toàn thực phẩm cấp tỉnh**

**1. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản**

**Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 2.001827**

**1.1. Trình tự thực hiện:**

**Trường hợp 1**

a) Cơ sở nộp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau hoặc Sở Y tế tỉnh Cà Mau (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau), cụ thể như sau:

**\* Đối tượng/loại hình Sở Y tế (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) tiếp nhận, giải quyết:**

- Cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ Cơ sở thu gom, sơ chế gia súc, gia cầm; cơ sở trồng trọt rau, củ, quả có gắn hoạt động sơ chế, làm sạch);

- Kho lạnh bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến);

- Chợ đầu mối, đấu giá thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ chợ đầu mối, chợ đấu giá thực phẩm là gia súc, gia cầm);

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ cơ sở kinh doanh thực phẩm là gia súc, gia cầm);

- Cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh muối, muối I-ốt.

**\* Đối tượng/loại hình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, giải quyết:**

- Cơ sở giết mổ động vật tập trung;

- Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn.

- Cơ sở thu gom, sơ chế gia súc, gia cầm;

- Kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến;

- Chợ đầu mối, chợ đấu giá thực phẩm là gia súc, gia cầm;

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm là gia súc, gia cầm;

- Cơ sở sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản;

- Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm thủy sản:
- + Cơ sở nuôi trồng thủy sản;
- + Tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên);
- + Cảng cá.
- Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm có nguồn gốc thực vật;
- Cơ sở trồng trọt rau, củ, quả có gắn hoạt động sơ chế, làm sạch.

b) Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế thực hiện thẩm tra hồ sơ thẩm định xếp loại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B).

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc không cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm trong đó phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

## **Trường hợp 2**

a) Cơ sở nộp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau hoặc Sở Y tế tỉnh Cà Mau (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau), cụ thể như sau:

**\* Đối tượng/loại hình Sở Y tế (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) tiếp nhận, giải quyết:**

- Cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ Cơ sở thu gom, sơ chế gia súc, gia cầm; cơ sở trồng trọt rau, củ, quả có gắn hoạt động sơ chế, làm sạch);

- Kho lạnh bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến);

- Chợ đầu mối, đấu giá thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ chợ đầu mối, chợ đấu giá thực phẩm là gia súc, gia cầm);

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ cơ sở kinh doanh thực phẩm là gia súc, gia cầm);

- Cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh muối, muối I-ốt.

**\* Đối tượng/loại hình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, giải quyết:**

- Cơ sở giết mổ động vật tập trung;

- Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn.

- Cơ sở thu gom, sơ chế gia súc, gia cầm;
- Kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến;
- Chợ đầu mối, chợ đầu giá thực phẩm là gia súc, gia cầm;
- Cơ sở kinh doanh thực phẩm là gia súc, gia cầm;
- Cơ sở sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản;
- Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm thủy sản:
- + Cơ sở nuôi trồng thủy sản;
- + Tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên);
- + Cảng cá.
- Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm có nguồn gốc thực vật;
- Cơ sở trồng trọt rau, củ, quả có gắn hoạt động sơ chế, làm sạch.

b) Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

c) Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế tổ chức đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc không cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm trong đó phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện (bưu chính công ích) hoặc nộp trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).

### **1.3. Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT;

- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT.

### **1.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

### **1.5. Thời gian giải quyết:**

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế thực hiện thẩm tra hồ sơ thẩm định xếp loại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B).

- Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế tổ chức đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở.

**1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở sản xuất, kinh doanh.

**1.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm).

**1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới Cơ sở/Thông báo kết quả đối với Cơ sở chưa đủ điều kiện.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản. Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận: 03 năm.

**1.9. Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực:** 700.000 đồng/cơ sở.

**1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT;

- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT.

**1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**1.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.



**PHỤ LỤC V**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP  
GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền).....

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
2. Mã số (nếu có): .....
3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
4. Điện thoại ..... Fax ..... Email .....
5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập: .....
6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:  
Đề nghị ..... (tên cơ quan có thẩm quyền)..... cấp, cấp lại  
Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.  
Lý do cấp lại: .....

**Hồ sơ gửi kèm:**

-

-

-

...

**Đại diện cơ sở**  
(Ký tên, đóng dấu)

**PHỤ LỤC VI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm....

**BẢN THUYẾT MINH**

**Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm  
của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản**

**I- THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
2. Mã số (nếu có): .....
3. Địa chỉ: .....
4. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh
 

DN nhà nước	<input type="checkbox"/>	DN 100% vốn nước ngoài	<input type="checkbox"/>
DN liên doanh với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	DN Cổ phần	<input type="checkbox"/>
DN tư nhân	<input type="checkbox"/>	Khác	<input type="checkbox"/>

(ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động: .....
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh: .....
8. Công suất thiết kế: .....
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):  
.....
10. Thị trường tiêu thụ chính: .....

**II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM**

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

### III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

#### 1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh .....m<sup>2</sup>, trong đó:
- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm: .....m<sup>2</sup>
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh : .....m<sup>2</sup>
- + Khu vực đóng gói thành phẩm : .....m<sup>2</sup>
- + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: .....m<sup>2</sup>
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : .....m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

#### 2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

#### 3. Hệ thống phụ trợ

##### - Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng

Nước giếng khoan

Hệ thống xử lý: Có

Không

Phương pháp xử lý: .....

##### - Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất

Mua ngoài

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá: .....

#### 4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:.....

#### 5. Người sản xuất, kinh doanh:

- Tổng số: .....người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: .....người.

+ Lao động gián tiếp: .....người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

## 6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: .....người; trong đó ..... của cơ sở và ..... đi thuê ngoài.

## 7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/ chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

## 8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,....)

## 9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở

Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích: .....

- Thuê ngoài

Tên những PKN gửi phân tích: .....

## 10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**2. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn)**

**Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 2.001823**

### **2.1. Trình tự thực hiện:**

#### **Trường hợp 1**

a) Cơ sở nộp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau hoặc Sở Y tế tỉnh Cà Mau (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau), cụ thể như sau:

**\* Đối tượng/loại hình Sở Y tế (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) tiếp nhận, giải quyết:**

- Cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ Cơ sở thu gom, sơ chế gia súc, gia cầm; cơ sở trồng trọt rau, củ, quả có gắn hoạt động sơ chế, làm sạch);

- Kho lạnh bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến);

- Chợ đầu mối, đấu giá thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ chợ đầu mối, chợ đấu giá thực phẩm là gia súc, gia cầm);

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ cơ sở kinh doanh thực phẩm là gia súc, gia cầm);

- Cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh muối, muối I-ốt.

**\* Đối tượng/loại hình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, giải quyết:**

- Cơ sở giết mổ động vật tập trung;

- Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn.

- Cơ sở thu gom, sơ chế gia súc, gia cầm;

- Kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến;

- Chợ đầu mối, chợ đấu giá thực phẩm là gia súc, gia cầm;

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm là gia súc, gia cầm;

- Cơ sở sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản;

- Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm thủy sản;

+ Cơ sở nuôi trồng thủy sản;

- + Tàu cá ( đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên);
- + Cảng cá.
- Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm có nguồn gốc thực vật;
- Cơ sở trồng trọt rau, củ, quả có gắn hoạt động sơ chế, làm sạch.

b) Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế thực hiện thẩm tra hồ sơ thẩm định xếp loại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B).

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc không cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm trong đó phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

## **Trường hợp 2**

a) Cơ sở nộp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau hoặc Sở Y tế tỉnh Cà Mau (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau), cụ thể như sau:

### **\* Đối tượng/loại hình Sở Y tế (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) tiếp nhận, giải quyết:**

- Cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ Cơ sở thu gom, sơ chế gia súc, gia cầm; cơ sở trồng trọt rau, củ, quả có gắn hoạt động sơ chế, làm sạch);

- Kho lạnh bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến);

- Chợ đầu mối, đấu giá thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ chợ đầu mối, chợ đấu giá thực phẩm là gia súc, gia cầm);

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ cơ sở kinh doanh thực phẩm là gia súc, gia cầm);

- Cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh muối, muối I-ốt.

### **\* Đối tượng/loại hình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, giải quyết:**

- Cơ sở giết mổ động vật tập trung;

- Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn.

- Cơ sở thu gom, sơ chế gia súc, gia cầm;

- Kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến;
- Chợ đầu mối, chợ đầu giá thực phẩm là gia súc, gia cầm;
- Cơ sở kinh doanh thực phẩm là gia súc, gia cầm;
- Cơ sở sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản;
- Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm thủy sản:
- + Cơ sở nuôi trồng thủy sản;
- + Tàu cá ( đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên);
- + Cảng cá.
- Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm có nguồn gốc thực vật;
- Cơ sở trồng trọt rau, củ, quả có gắn hoạt động sơ chế, làm sạch.

b) Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không đầy đủ.

c) Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế tổ chức đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc không cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm trong đó phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện (bưu chính công ích) hoặc nộp trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).

### **2.3. Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT;
- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT.

**2.4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

### **2.5. Thời gian giải quyết:**

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế thực hiện thẩm tra hồ sơ thẩm định xếp loại cơ sở và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (nếu cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B).

- Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế tổ chức đi thẩm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở.

**2.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở sản xuất, kinh doanh.

**2.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm).

**2.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Công nhận kết quả thẩm định, thông báo kết quả thẩm định đạt yêu cầu tới Cơ sở/Thông báo kết quả đối với Cơ sở chưa đủ điều kiện.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản. Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận: 03 năm.

**2.9. Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực:** 700.000 đồng/cơ sở.

**2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT;

- Bản thuyết minh về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT.

**2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**2.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.



**PHỤ LỤC V**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền).....

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
2. Mã số (nếu có): .....
3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
4. Điện thoại ..... Fax ..... Email .....
5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập: .....
6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:  
Đề nghị ..... (tên cơ quan có thẩm quyền)..... cấp, cấp lại  
Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.  
Lý do cấp lại: .....

**Hồ sơ gửi kèm:**

-  
-  
-  
...

**Đại diện cơ sở**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**PHỤ LỤC VI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm....

**BẢN THUYẾT MINH**

**Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm**  
**của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản**

**I- THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....

2. Mã số (nếu có): .....

3. Địa chỉ: .....

4. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

5. Loại hình sản xuất, kinh doanh

DN nhà nước  DN 100% vốn nước ngoài

DN liên doanh với nước ngoài  DN Cổ phần

DN tư nhân  Khác

(ghi rõ loại hình)

6. Năm bắt đầu hoạt động: .....

7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh: .....

8. Công suất thiết kế: .....

9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):  
.....

10. Thị trường tiêu thụ chính: .....

**II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM**

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

### III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

#### 1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh .....m<sup>2</sup>, trong đó:
- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm: .....m<sup>2</sup>
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh : .....m<sup>2</sup>
- + Khu vực đóng gói thành phẩm : .....m<sup>2</sup>
- + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: .....m<sup>2</sup>
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : .....m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

#### 2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

#### 3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng

Nước giếng khoan

Hệ thống xử lý: Có

Không

Phương pháp xử lý: .....

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất

Mua ngoài

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá: .....

#### 4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:.....

#### 5. Người sản xuất, kinh doanh:

- Tổng số: .....người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: .....người.

+ Lao động gián tiếp: .....người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP:

## 6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: .....người; trong đó ..... của cơ sở và ..... đi thuê ngoài.

## 7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/ chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

## 8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,....)

## 9. Phòng kiểm nghiệm

- Của cơ sở

Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích: .....

- Thuê ngoài

Tên những PKN gửi phân tích: .....

## 10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**3. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm)**

**Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 2.001819**

**3.1. Trình tự thực hiện:**

a) Cơ sở nộp hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau hoặc Sở Y tế tỉnh Cà Mau (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau), cụ thể như sau:

**\* Đối tượng/loại hình Sở Y tế (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) tiếp nhận, giải quyết:**

- Cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ Cơ sở thu gom, sơ chế gia súc, gia cầm; cơ sở trồng trọt rau, củ, quả có gắn hoạt động sơ chế, làm sạch);

- Kho lạnh bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến);

- Chợ đầu mối, đấu giá thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ chợ đầu mối, chợ đấu giá thực phẩm là gia súc, gia cầm);

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ cơ sở kinh doanh thực phẩm là gia súc, gia cầm);

- Cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh muối, muối I-ốt.

**\* Đối tượng/loại hình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, giải quyết:**

- Cơ sở giết mổ động vật tập trung;

- Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn.

- Cơ sở thu gom, sơ chế gia súc, gia cầm;

- Kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến;

- Chợ đầu mối, chợ đấu giá thực phẩm là gia súc, gia cầm;

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm là gia súc, gia cầm;

- Cơ sở sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản;

- Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm thủy sản:

+ Cơ sở nuôi trồng thủy sản;

+ Tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên);

+ Cảng cá.

- Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm có nguồn gốc thực vật;

- Cơ sở trồng trọt rau, củ, quả có gắn hoạt động sơ chế, làm sạch.

b) Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm của cơ sở, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế tiến hành kiểm tra hồ sơ và xem xét cấp hoặc không cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (trường hợp không cấp phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do).

**3.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện (bưu chính công ích) hoặc nộp trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).

**3.3. Thành phần hồ sơ:** Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT.

**3.4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**3.5. Thời gian giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**3.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở sản xuất, kinh doanh.

**3.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm).

**3.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở an toàn thực phẩm. Thời hạn hiệu lực của kết quả: Trùng với thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp trước đó.

**3.9. Phí, lệ phí:** Không.

**3.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT.

**3.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**3.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

**PHỤ LỤC V**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền).....

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
  2. Mã số (nếu có): .....
  3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....
  4. Điện thoại ..... Fax ..... Email .....
  5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập: .....
  6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:
- Đề nghị ..... (tên cơ quan có thẩm quyền)..... cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.
- Lý do cấp lại: .....

**Hồ sơ gửi kèm:**

-  
-  
-  
...

**Đại diện cơ sở**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**4. Thủ tục: Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản**  
**Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 2.001832**

**4.1. Trình tự thực hiện:**

a) Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có trách nhiệm gửi một bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau hoặc Sở Y tế tỉnh Cà Mau (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau), cụ thể như sau:

**\* Đối tượng/loại hình Sở Y tế (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm) tiếp nhận, giải quyết:**

- Cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ Cơ sở thu gom, sơ chế gia súc, gia cầm; cơ sở trồng trọt rau, củ, quả có gắn hoạt động sơ chế, làm sạch);

- Kho lạnh bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến);

- Chợ đầu mối, đấu giá thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ chợ đầu mối, chợ đấu giá thực phẩm là gia súc, gia cầm);

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ cơ sở kinh doanh thực phẩm là gia súc, gia cầm);

- Cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh muối, muối I-ốt.

**\* Đối tượng/loại hình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, giải quyết:**

- Cơ sở giết mổ động vật tập trung;

- Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn.

- Cơ sở thu gom, sơ chế gia súc, gia cầm;

- Kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến;

- Chợ đầu mối, chợ đấu giá thực phẩm là gia súc, gia cầm;

- Cơ sở kinh doanh thực phẩm là gia súc, gia cầm;

- Cơ sở sản xuất nước đá phục vụ sản xuất và bảo quản thực phẩm nông, lâm, thủy sản;

- Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm thủy sản:

+ Cơ sở nuôi trồng thủy sản;

+ Tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên);



+ Cảng cá.

- Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm có nguồn gốc thực vật;
- Cơ sở trồng trọt rau, củ, quả có gắn hoạt động sơ chế, làm sạch.

b) Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân.

c) Kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm theo lĩnh vực quản lý.

d) Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

- Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho những người trả lời đúng 80% số câu hỏi trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành.

- Mẫu giấy xác nhận kiến về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

**4.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện (bưu chính công ích) hoặc nộp trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).

### **4.3. Thành phần hồ sơ:**

#### **4.3.1. Đối với tổ chức:**

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;

- Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức);

- Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

#### **4.3.2. Đối với cá nhân:**

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;

- Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân;

- Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

**4.4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**4.5. Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế có trách nhiệm cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

**4.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

**4.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Y tế (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm).

**4.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận: 03 năm kể từ ngày cấp.

**4.9. Phí thẩm định xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm:** 30.000 đồng/lần/người.

**4.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đối với tổ chức: Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a và 01b quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 09/4/2014;

- Đối với cá nhân: Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 09/4/2014.

**4.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**4.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

**Phụ lục 4, Mẫu số 01a - Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm**

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm**

Kính gửi: ..... *(cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP)*

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân .....

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số  
..... cấp ngày ..... tháng ..... năm ....., nơi cấp .....

Địa chỉ: ....., Số điện thoại .....

Số Fax ..... E-mail .....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

(danh sách gửi kèm theo Mẫu đơn này).

*Địa danh, ngày ..... tháng ... năm .....*

**Đại diện Tổ chức/cá nhân**  
*(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*

**Phụ lục 4, Mẫu số 01b- Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức**  
*(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của..... (tên tổ chức)*

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

<b>TT</b>	<b>Họ và Tên</b>	<b>Nam</b>	<b>Nữ</b>	<b>Số CMTND</b>	<b>Ngày, tháng, năm cấp</b>	<b>Nơi cấp</b>

*Địa danh, ngày ..... tháng ... năm.....*  
**Đại diện Tổ chức xác nhận**  
*(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*

**5. Thủ tục: Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu**  
**Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 1.003486**

**5.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1: Lập hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu:**

Trước hoặc khi lô hàng muối về đến cửa khẩu, người nhập khẩu gửi 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu theo Mẫu số 4 Phụ lục I và các thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm (Nghị định số 15/2018/NĐ-CP) đến Sở Y tế tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (*Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau*), sau đây viết tắt cách thức thực hiện, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính là “Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau”.

Trường hợp phải lấy mẫu và kiểm nghiệm an toàn thực phẩm mẫu muối nhập khẩu (áp dụng đối với phương thức kiểm tra chặt), người nhập khẩu thống nhất với cơ quan kiểm tra ngày lấy mẫu muối và thông báo với cơ quan Hải quan cửa khẩu thời gian, địa điểm để chứng kiến việc lấy mẫu.

Bước 2: Cơ quan kiểm tra tiếp nhận hồ sơ và tiến hành kiểm tra:

Cơ quan kiểm tra áp dụng phương thức kiểm tra an toàn thực phẩm muối nhập khẩu theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

- Đối với phương thức kiểm tra chặt: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan kiểm tra nhà nước có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy mẫu, kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm theo yêu cầu và ra thông báo thực phẩm đạt/ hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP. Trường hợp yêu cầu bổ sung hồ sơ thì phải nêu rõ lý do và căn cứ pháp lý của việc yêu cầu.

- Đối với phương thức kiểm tra thông thường: Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan kiểm tra nhà nước có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và ra “Thông báo thực phẩm đạt/ hoặc không đạt yêu cầu nhập khẩu” theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP. Trường hợp yêu cầu bổ sung hồ sơ thì phải nêu rõ lý do và căn cứ pháp lý của việc yêu cầu.

Bước 3: Xử lý lô hàng muối nhập khẩu không đạt yêu cầu đối với phương thức kiểm tra chặt và phương thức kiểm tra thông thường:

Cơ quan kiểm tra quyết định các biện pháp xử lý theo các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 55 Luật An toàn thực phẩm và báo cáo kết quả xử lý thực phẩm không đạt yêu cầu nhập khẩu với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sau khi hoàn tất việc xử lý đối với thực phẩm không đạt yêu cầu nhập khẩu theo quyết định của cơ quan kiểm tra nhà nước, người nhập khẩu có trách nhiệm báo cáo cơ quan kiểm tra nhà nước và cơ quan tiếp nhận hồ sơ công bố sản phẩm theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

Bước 4: Người nhập khẩu có trách nhiệm nộp Thông báo kết quả xác nhận thực phẩm đạt yêu cầu nhập khẩu cho cơ quan hải quan để thông quan hàng hóa.

Bước 5: Trả kết quả kiểm tra: Trả kết quả trực tiếp tại cơ quan kiểm tra hoặc gửi qua đường bưu điện theo đề nghị của người nhập khẩu.

**6.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện (bưu chính công ích) hoặc nộp trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).

**6.3. Thành phần hồ sơ, gồm:**

- Giấy đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP;

- Bản tự công bố sản phẩm;

- Bản sao Danh mục hàng hóa (Packing List);

- Bản sao Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan (nếu có);

- Bản chính 03 (ba) Thông báo kết quả kiểm tra an toàn thực phẩm muối nhập khẩu được cơ quan kiểm tra đánh giá đạt yêu cầu an toàn thực phẩm sau 03 lần kiểm tra liên tiếp tại các ngày khác nhau đối với lô hàng muối nhập khẩu cùng loại, cùng xuất xứ, cùng nhà sản xuất, cùng người nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt (áp dụng đối với phương thức kiểm tra thông thường).

**6.4. Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ hồ sơ.

**6.5. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương thức kiểm tra chặt: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Đối với phương thức kiểm tra thông thường: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

**7.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhập khẩu muối.

**7.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Y tế tỉnh Cà Mau.

**7.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu.

**7.9. Phí, lệ phí:** Không.

**7.10. Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đăng ký kiểm tra thực phẩm nhập khẩu theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

**7.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người nhập khẩu phải thực hiện tự công bố sản phẩm muối nhập khẩu theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và khoản 1 Điều 3 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP mới được phép lưu thông trên thị trường và có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP:

- Đối với nhập khẩu muối thực phẩm (muối ăn): Bản tự công bố sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 9-1: 2011/BYT của Bộ Y tế đối với muối i-ốt.

- Đối với nhập khẩu muối tinh: Bản tự công bố sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9639-2013 muối (natri clorua) tinh và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

#### **7.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

- Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Mẫu số 04***(Ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ)*

Tên cơ quan chủ quản  
Tên tổ chức nhập khẩu

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA THỰC PHẨM NHẬP KHẨU**

Số: /20..... /ĐKNK

1. Tên, địa chỉ, điện thoại của người nhập khẩu: .....
2. Tên, địa chỉ, điện thoại của thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa: ...
3. Tên, địa chỉ, điện thoại của thương nhân xuất khẩu: .....
4. Thời gian nhập khẩu dự kiến: .....
5. Cửa khẩu đi: ..... 6. Cửa khẩu đến: .....
7. Thời gian kiểm tra: ..... 8. Địa điểm kiểm tra:  
.....
9. Dự kiến tên cơ quan kiểm tra: .....
10. Thông tin chi tiết lô hàng:

TT	Tên mặt hàng	Nhóm sản phẩm (Theo QCVN hoặc Codex hoặc tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất)	Tên và địa chỉ nhà sản xuất	Phương thức kiểm tra	Số văn bản xác nhận phương thức kiểm tra*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

\* Số văn bản xác nhận phương thức kiểm tra là số thông báo của cơ quan có thẩm quyền thông báo mặt hàng được kiểm tra theo phương thức kiểm tra.

....., ngày tháng năm 20.....

**CHỦ HÀNG**  
*(ký tên, đóng dấu)*

....., ngày tháng năm 20.....

**CƠ QUAN KIỂM TRA**  
*(Ký tên đóng dấu)*



## **II. Lĩnh vực Quản lý chất lượng cấp tỉnh**

### **1. Thủ tục: Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu**

**Mã hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia số: 1.003524**

#### **1.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1: Lập hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu:**

Trước hoặc khi lô hàng muối về đến cửa khẩu, người nhập khẩu gửi 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu và cam kết chất lượng hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục III và các thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành (Nghị định số 154/2018/NĐ-CP) đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau).

**Bước 2: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ:**

Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc cơ quan kiểm tra xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa (Nghị định số 74/2018/NĐ-CP). Người nhập khẩu nộp bản đăng ký có xác nhận của cơ quan kiểm tra cho cơ quan Hải quan để được phép thông quan hàng hóa muối nhập khẩu.

**Bước 3: Trong thời hạn 15 (mười năm) ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa, người nhập khẩu phải nộp cho cơ quan kiểm tra bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng muối nhập khẩu hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng muối nhập khẩu.**

**Bước 4: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét sự phù hợp các chỉ tiêu chất lượng muối giữa Giấy chứng nhận chất lượng hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa muối nhập khẩu với tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu để làm căn cứ áp dụng biện pháp miễn kiểm tra sau 03 lần kiểm tra liên tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP; xử lý kết quả kiểm tra muối nhập khẩu không đạt yêu cầu chất lượng lưu thông trên thị trường theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định**

chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Nghị định số 132/2008/NĐ-CP) và khoản 5 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện (bưu chính công ích) hoặc nộp trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).

**1.3. Thành phần hồ sơ, gồm:**

- Giấy Đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ-CP;

- Bản sao Hợp đồng (Contract) mua bán hàng hóa (là bản tiếng Việt hoặc bản tiếng Anh, nếu là ngôn ngữ khác thì người nhập khẩu phải nộp kèm bản dịch ra tiếng Việt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản dịch);

- Bản sao Danh mục hàng hóa (Packing List – nếu có);

- Bản sao Hóa đơn (Invoice) có xác nhận của người nhập khẩu;

- Bản sao Vận đơn (Bill of Loading) có xác nhận của người nhập khẩu;

- Bản sao Tờ khai hàng hóa nhập khẩu có xác nhận của người nhập khẩu;

- Bản sao Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O-Certificate of Origin – nếu có);

- Bản sao Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan (nếu có);

- Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng muối nhập khẩu hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng muối nhập khẩu;

- Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định (trừ trường hợp nhập khẩu muối rời).

**1.4. Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ hồ sơ.

**1.5. Thời hạn giải quyết:** 01 ngày làm việc.

**1.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhập khẩu muối.

**1.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau.

**1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ.

**1.9. Phí, lệ phí:** Không.

**1.10. Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

**1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng hóa muối nhập khẩu hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa muối nhập khẩu phải đáp ứng các chỉ tiêu chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng muối nhập khẩu quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu.

- Người nhập khẩu phải cam kết chất lượng muối nhập khẩu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng. Nếu phát hiện vi phạm thì chịu sự kiểm tra, xử lý của cơ quan kiểm tra theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và khoản 4, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

#### **1.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

- Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Mẫu số 01***(Ban hành kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐĂNG KÝ KIỂM TRA****NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

Kính gửi..... (Tên Cơ quan kiểm tra).....

Người nhập khẩu: .....

Địa chỉ: .....

..... Điện thoại: .....

Fax: ..... Email: .....

Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa sau:

STT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, nhà sản xuất	Khối lượng/ số lượng	Cửa khẩu nhập	Thời gian nhập khẩu

Địa chỉ tập kết hàng hóa: .....

Hồ sơ nhập khẩu gồm: .....

Hợp đồng (Contract) số: .....

- Danh mục hàng hóa (Packing list) (nếu có):  
.....- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu  
hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu:..... do Tổ chức ..... cấp ngày:  
...../...../..... tại: .....

- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý (nếu có) số:.....

do Tổ chức chứng nhận: ..... cấp ngày: ...../...../..... tại:  
.....

- Hóa đơn (Invoice) (nếu có) số: .....

- Vận đơn (Bill of Lading) (nếu có) số: .....

.....

- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có) số: .....
- Giấy chứng nhận xuất xứ C/O (nếu có) số: .....
- Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có) số: .....
- Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa, mẫu nhãn hàng nhập khẩu, nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung đã khai báo nêu trên về hồ sơ của lô hàng hóa nhập khẩu, đồng thời cam kết chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật ..... và tiêu chuẩn công bố áp dụng .....

**(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA)**

Vào sổ đăng ký: Số...../(Tên viết tắt của CQKT)

.....ngày ..... tháng ..... năm 20.....  
(Đại diện Cơ quan kiểm tra ký tên, đóng dấu)

.....ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**(NGƯỜI NHẬP KHẨU)**

(Ký tên, đóng dấu)